

Số: 1444/TB-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 - Khóa 36 (2026-2028)

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-ĐHSPHN ngày 8/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2026;

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG THỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Nhà trường tuyển sinh thạc sĩ theo 02 phương thức:

1. Phương thức xét tuyển 1

Người dự tuyển theo phương thức xét tuyển 1 phải thoả mãn các điều kiện về văn bằng và ngoại ngữ như sau:

1.1. Về văn bằng, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện:

a) Đã tốt nghiệp hoặc được công nhận tốt nghiệp đại học chính quy trong vòng 02 năm (*tính từ ngày kí bằng tốt nghiệp hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển*).

b) Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đăng kí xét tuyển (thí sinh thuộc diện **không** phải học bổ sung kiến thức – xem **Phụ lục 2**).

c) Tốt nghiệp đại học xếp loại giỏi trở lên. Nếu tốt nghiệp đại học xếp loại khá, thí sinh phải đạt tối thiểu một trong các tiêu chí bổ sung sau:

- (TC1) Có kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus; hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 1,0 điểm trở lên theo ngành đào tạo.

- (TC2) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH cấp bộ.

- (TC3) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba các kỳ thi Olympic sinh viên toàn quốc.

- (TC4) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH cấp Trường ĐHSP Hà Nội.

- (TC5) Tích lũy được tối thiểu 03 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐHSP Hà Nội (chỉ dành cho sinh viên Trường ĐHSP Hà Nội đã tham gia Đề án liên thông Đại học - Sau đại học, gọi tắt là “học vượt thạc sĩ”).

1.2. Về ngoại ngữ, thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài (các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc) hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (các tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc).

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy trở lên do Trường ĐHSP Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 (B1) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ngoại ngữ trong chương trình đào tạo phải là tiếng Anh). Các trường hợp thuộc diện này, khi nộp hồ sơ trực tuyến cần đính kèm bảng điểm vào mục Văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 (B1) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định trong **Phụ lục 03**, còn hiệu lực (trong thời gian 24 tháng tính từ ngày kí chứng chỉ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ).

Ghi chú:

- Người dự tuyển vào chuyên ngành LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh: điều kiện về ngoại ngữ phải là văn bằng, chứng chỉ của ngoại ngữ thứ 2 (các tiếng Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có chứng chỉ tiếng Việt từ Bậc 4 (B2) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

1.3. Nguyên tắc xét tuyển trong phương thức 1

a) Hội đồng tuyển sinh xét các đối tượng dự tuyển có bằng tốt nghiệp loại giỏi trở lên, lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ đối tượng TC1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến các đối tượng thuộc TC2, TC3, TC4, TC5 cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp có nhiều thí sinh có ưu tiên như nhau thì sẽ lấy theo điểm chấm hồ sơ từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

b) Nếu tiếp tục còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp đến các đối tượng dự tuyển có bằng tốt nghiệp loại khá, nguyên tắc ưu tiên khi xét tương tự như trên cho đến hết chỉ tiêu.

Thí sinh không trúng tuyển theo phương thức xét tuyển 1, được phép bổ sung bài luận để tham gia phương thức xét tuyển 2 trong cùng đợt tuyển sinh, nếu chuyên ngành đăng kí xét tuyển có chỉ tiêu tuyển theo phương thức xét tuyển 2. Yêu cầu và hướng dẫn cụ thể sẽ ghi trong thông báo kết quả xét tuyển phương thức 1.

1.4. Thời gian thông báo kết quả phương thức xét tuyển 1: 19/3/2026

2. Phương thức xét tuyển 2

Thang điểm chấm, cách tính điểm của phương thức xét tuyển 2 xem tại **Phụ lục 01**.

Người dự tuyển theo phương thức xét tuyển 2 phải thỏa mãn các điều kiện về văn bằng, ngoại ngữ và bài luận chuyên ngành như sau:

2.1. Về văn bằng, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện:

a) Đã tốt nghiệp hoặc được công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy, chính quy liên thông, chính quy văn bằng 2, VLVH, từ xa, chuyên tu, tại chức,...

b) Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đăng kí xét tuyển. Nếu thuộc diện phải học bổ sung kiến thức, thí sinh phải hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức do Trường ĐHSP Hà Nội quy định (thời gian học xem tại mục 3.2). Danh mục những trường hợp phải học hoặc không phải học bổ sung kiến thức xem trong **Phụ lục 02**.

c) Tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên. Nếu tốt nghiệp đại học xếp loại Trung bình hoặc Trung bình khá, thí sinh phải có công bố khoa học (bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc hội thảo quốc gia, quốc tế) liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. 

2.2. Về ngoại ngữ, thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Thí sinh thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ được quy định tại mục 1.2, phần I của Thông báo này sẽ được miễn thi ngoại ngữ.

- Các trường hợp còn lại, thí sinh phải tham dự kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ xét điều kiện đầu vào do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức. Bài thi kiểm tra trình độ người dự tuyển ở 4 kĩ năng: Nghe – Nói – Đọc – Viết. Kết quả thi ngoại ngữ cần đạt tối thiểu 20,0 điểm (trên thang điểm 40) và không có kĩ năng nào bị điểm 0. Người dự tuyển vào chuyên ngành LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh, sẽ thi ngoại ngữ là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung.

Ngày thi đánh giá năng lực ngoại ngữ xét điều kiện đầu vào: **11/4/2026**.

2.3. Về bài luận chuyên ngành

Ứng viên phải viết bài luận chuyên ngành (viết tay theo **Mẫu 03**) và nộp cùng hồ sơ dự tuyển. Nội dung bài luận liên quan đến chuyên ngành đăng kí xét tuyển, dài không quá 3000 từ. Bài luận cần đạt tối thiểu 10,0 điểm (trên thang điểm 20). Người dự tuyển vào chuyên ngành LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh, bài luận phải được viết bằng tiếng Anh.

2.4. Nguyên tắc xét tuyển trong phương thức 2

Lấy theo tổng điểm chấm hồ sơ và bài luận từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu (Thí sinh phải đạt yêu cầu về ngoại ngữ và bổ sung kiến thức – nếu thuộc diện phải học bổ sung kiến thức).

2.5. Thời gian thông báo kết quả phương thức xét tuyển 2: 28/4/2026

3. Hồ sơ và lệ phí

3.1. Hồ sơ đăng kí và lệ phí xét tuyển

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <https://tuyensinhdsdh.hnue.edu.vn>
- Thời gian nộp hồ sơ trực tuyến: từ ngày **2/1/2026** đến hết ngày **27/2/2026**
- Lệ phí xét tuyển: 750.000đ/người dự tuyển/hồ sơ. Không hoàn trả nếu thí sinh bỏ dự tuyển.

3.2. Lệ phí ôn tập, thi ngoại ngữ và bổ sung kiến thức (với người dự tuyển theo phương thức xét tuyển 2)

- Nhà trường tổ chức ôn tập ngoại ngữ các tiếng: Anh, Pháp, Trung.
- Lệ phí ôn tập ngoại ngữ (nếu người dự tuyển có nhu cầu): 1.500.000đ/người.
- + Thời gian ôn tập: dự kiến từ **7/3/2026** đến hết ngày **5/4/2026**. Học trực tiếp các ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật tại Trường ĐHSP Hà Nội.
- + Thông tin chi tiết danh sách lớp học, địa điểm, thời gian học được thông báo trước ngày **7/3/2026** tại website: <http://sdh.hnue.edu.vn>.
- Lệ phí thi ngoại ngữ (với đối tượng phải thi ngoại ngữ): 1.100.000đ/người.
- Lệ phí học bổ sung kiến thức (với diện phải bổ sung kiến thức): 350.000 đ/tín chỉ.
- Thời gian học bổ sung kiến thức: dự kiến từ **7/3/2026** đến hết ngày **5/4/2026**. Thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức, sẽ đăng ký học khi nộp hồ sơ trực tuyến.

3.3. Cách thức nộp tiền

Hướng dẫn nộp lệ phí sẽ gửi về email của người dự tuyển sau khi hồ sơ đăng kí được duyệt hợp lệ. Thí sinh lưu ý không tự chuyển tiền khi chưa nhận được email hoặc hướng dẫn của Nhà trường. Để đủ điều kiện xét tuyển, thí sinh phải hoàn thành tất cả các khoản lệ phí chậm nhất đến hết ngày **27/2/2026** và lưu lại minh chứng chuyển tiền để đối chiếu khi cần thiết.

4. Chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người dự tuyển là người đang công tác liên tục từ 02 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Khi nộp hồ sơ, người dự tuyển thuộc diện này phải nộp giấy xác nhận thời gian công tác (Mẫu 01) kèm theo bản sao có công chứng quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Người dự tuyển là thương binh hoặc là người hưởng chính sách như thương binh;

c) Người dự tuyển là con liệt sĩ;

d) Người dự tuyển là anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dự tuyển là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Khi nộp hồ sơ, người dự tuyển thuộc diện này phải nộp giấy xác nhận hộ khẩu thường trú tại KVI (Mẫu 02) kèm theo bản sao Giấy khai sinh.

e) Người dự tuyển là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 2,0 điểm vào kết quả chấm bài luận và cộng 4,0 điểm vào điểm đánh giá năng lực ngoại ngữ.

5. Quy định về văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp

Các văn bằng, chứng chỉ và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt, được công chứng và phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng (xem tại <https://naric.edu.vn>, mục Công nhận văn bằng nước ngoài).

II. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Chi tiết xem trong Phụ lục 04.

III. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 02 năm.

- Hình thức đào tạo: chính quy.

IV. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC

- Thí sinh trúng tuyển nộp hồ sơ bản cứng theo hướng dẫn trong Thông báo nhập học.

- Thí sinh truy cập <http://sdh.hnue.edu.vn/tuyen-sinh/thac-si> để nhận các thông tin cập nhật tiếp theo trong đợt tuyển sinh

- Dự kiến khai giảng: 4/7/2026 (đối với các chuyên ngành tuyển đủ số lượng mở lớp) hoặc 24/10/2026.

- Điện thoại: 02462962496 (Liên hệ trong giờ hành chính).

- Nhóm Zalo hỗ trợ thí sinh: <https://zalo.me/g/msgelh256>

Trân trọng thông báo./. 



Nơi nhận:

- Bộ GD và ĐT (để b/c);
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Sở GD và ĐT;
- Các đơn vị toàn trường;
- Đăng tải trên website;
- Lưu: VT, SDH.



HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

PHỤ LỤC 01
THANG ĐIỂM PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học Điểm xét hồ sơ = Điểm trung bình chung học tập (theo thang điểm 10)*k	k = 6 nếu số tín chỉ tích lũy ở đại học dưới 135 tín chỉ k = 7 nếu số tín chỉ tích lũy ở đại học từ 135 tín chỉ trở lên	70	70%
2	Thành tích học thuật - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH cấp Bộ: điểm tối đa 3,0 điểm. - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH cấp Trường (của Trường ĐHSP Hà Nội): điểm tối đa 2,0 điểm. - Đạt giải Nhất, Nhì, Ba các kỳ thi Olympic sinh viên toàn quốc: điểm tối đa 1,5 điểm. - Có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu hoặc có khóa luận tốt nghiệp: điểm tối đa 2,0 điểm.	- Nhất 3,0 điểm, Nhì 2,0 điểm, Ba 1,0 điểm. - Nhất 2,0 điểm, Nhì 1,0 điểm, Ba 0,5 điểm. - Nhất 1,5 điểm, Nhì 1,0 điểm, Ba 0,5 điểm. - Hội đồng chuyên ngành đánh giá, cho điểm.	8,5	8,5%
3	Đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra (nếu có)	- Bằng TNĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài: 1,5 điểm - Chứng chỉ B2 hoặc tương đương còn hiệu lực tính đến hết ngày 24/10/2026: 1,5 điểm	1,5	1,5%
4	Viết bài luận chuyên ngành Bài luận chuyên ngành của người dự tuyển có nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng ký xét tuyển trình độ thạc sĩ, không quá 3000 từ. Bài luận cần đạt tối thiểu 10,0 điểm (trên thang điểm 20).	Tổng tối đa 20 điểm cho các tiêu chí: - Mục đích, lí do đăng ký xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội; - Lí do lựa chọn ngành, chuyên ngành đăng ký xét tuyển; - Mục tiêu nghề nghiệp tương lai - Vấn đề quan tâm, dự kiến hướng nghiên cứu/ứng dụng, các đề xuất (nếu có)	20	20%
	Tổng		100	100%

Ghi chú:

* Tổng điểm xét tuyển = điểm hồ sơ (mục 1 + 2 + 3) + điểm bài luận (mục 4)

* Trong đó, điểm hồ sơ = điểm TBC hệ đại học x hệ số k + điểm thành tích học thuật + điểm đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC CHỨNG CHỈ ĐƯỢC SỬ DỤNG
TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Chuẩn đầu vào trình độ thạc sĩ Tương đương Bậc 3	Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
			Không chấp nhận TOEFL iBT – Home edition	
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3
		VSTEP (Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	Bậc 3	Bậc 4
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3 (4 kỹ năng)	HSK Bậc 4 (4 kỹ năng)
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

* Ghi chú: Các chứng chỉ khác thuộc 1 trong 6 ngôn ngữ ở bảng trên, nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định công nhận các cấp độ tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời gian thu hồ sơ dự tuyển, Nhà trường sẽ cập nhật và thông báo bổ sung. 

Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tiếng Anh) - VSTEP

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia TPHCM
23	Học viện Cảnh sát nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Kinh tế Tài chính - Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

PHỤ LỤC SỐ 04

CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐỢT 1 NĂM 2026

TT	Khoa	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu XT1	Chỉ tiêu XT2
1	Toán - Tin	Đại số và lý thuyết số	8460104	5	3
2		Hình học và tô pô	8460105	5	3
3		Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8140111	9	6
4		Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	5	3
5		Toán giải tích	8460102	12	8
6		Toán ứng dụng	8460112	6	4
7	Vật lý	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	8140111	12	8
8		Vật lý chất rắn	8440104	9	6
9		Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	6	4
10	Hoá học	Hoá hữu cơ	8440114	5	3
11		Hoá lý thuyết và hoá lý	8440119	5	3
12		Hoá phân tích	8440118	3	2
13		Hoá vô cơ	8440113	5	3
14		Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học	8140111	6	4
15		Hoá môi trường	8440120	3	2
16	Sinh học	Động vật học	8420103	6	4
17		Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	8140111	6	4
18		Sinh học thực nghiệm	8420114	6	4
19		Vi sinh vật học	8420107	6	4
20		Thực vật học	8420111	4	3
21	Kỹ thuật và CN	Lý luận và PPDH bộ môn KTCN	8140111	6	4
22	Ngữ văn	Hán Nôm	8220104	3	2
23		Ngôn ngữ học	8229020	9	6
24		Lý luận và PPDH bộ môn Văn và TV	8140111	15	10
25		Lý luận văn học	8220120	6	4
26		Văn học dân gian	8220125	3	2
27		Văn học nước ngoài	8220242	6	4
28		Văn học Việt Nam	8220121	12	8
29	Lịch sử	Lịch sử thế giới	8229011	9	6
30		Lịch sử Việt Nam	8229013	9	6
31		Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử	8140111	9	6
32	Địa lý	Địa lý học	8310501	9	6
33		Địa lý tự nhiên	8440217	6	4
34		Lý luận và PPDH bộ môn Địa lý	8140111	9	6
35		Bản đồ, Viễn thám và hệ thống tin địa lý	8140111	6	4

TT	Khoa	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu XT1	Chỉ tiêu XT2
36	Tâm lý giáo dục	Giáo dục học	8140101	6	4
37		Tâm lý học	8310401	6	4
38		Giáo dục và phát triển cộng đồng	8140113	6	4
39		Tâm lý học (Tâm lý học trường học)	8310401	24	16
40		Đo lường và đánh giá trong giáo dục	8140115	6	4
41	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	8140114	36	24
42	GD tiểu học	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	8140101	36	24
43	GD mầm non	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	8140101	7	5
44	LLCT-GDCD	Lí luận và PPDH bộ môn GDCT	8140111	9	6
45		Chính trị học	8310201	6	4
46	Triết học	Triết học	8229001	15	10
47	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	8480101	6	4
48		Lí luận và PPDH bộ môn Tin học	8140111	9	6
49	GD thể chất	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)	8140101	9	6
50	GD đặc biệt	Giáo dục đặc biệt	8140118	24	16
51	Việt Nam học	Việt Nam học	8310630	9	6
52	Công tác xã hội	Công tác xã hội	8760101	12	8
53	Tiếng Anh	LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh	8140111	12	8
54	Nghệ thuật	LL và PPDH bộ môn Mỹ thuật	8140111	6	4
55		LL và PPDH bộ môn Âm nhạc	8140111	9	6

* Các chương trình đào tạo đều theo định hướng nghiên cứu.

* Chỉ tiêu phương thức xét tuyển 1 nếu còn sẽ chuyển sang phương thức xét tuyển 2. 

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Kính gửi: - Trường THPT.....
 - Ủy ban nhân dân xã

Tên tôi là: NGUYỄN VĂN A

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Đang công tác tại: Trường THPT..... đóng trên địa bàn xã
..... tỉnh.....

Thời gian công tác tại trường từ: tháng.....năm.....đến nay.

Nay tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xác nhận cho tôi thuộc đối tượng ưu tiên sau: Người đang công tác liên tục từ 02 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành.

Lý do xin xác nhận: Hưởng chế độ ưu tiên tuyển sinh đối với sinh viên/học viên thuộc khu vực 1 theo chính sách của Nhà nước hiện hành.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Xác nhận của cơ quan quản lý
về thâm niên công tác

....., ngày tháng năm 20
Người làm đơn
(kí và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cấp có thẩm quyền

Xãlà địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành.

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Nộp kèm Quyết định tiếp nhận hoặc QĐ tuyển dụng hoặc QĐ nâng lương (bản sao) để chứng minh hiện đang công tác và đã công tác đủ 2 năm ở cơ quan hiện tại. 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Kính gửi:.....

Tên tôi là: NGUYỄN VĂN A

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:

Hộ khẩu thường trú (thôn, xã, tỉnh):

Nay tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xác nhận cho tôi thuộc đối tượng ưu tiên sau: Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành;

Lý do xin xác nhận: Hưởng chế độ ưu tiên tuyển sinh đối với sinh viên/học viên thuộc khu vực 1 theo chính sách của Nhà nước hiện hành.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Xác nhận của cấp có thẩm quyền

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

.....ngày..... tháng..... năm 20....

Người viết đơn



Ghi chú: Nộp kèm giấy khai sinh (bản sao)

BÀI LUẬN CHUYÊN NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Trang 1

Gồm những thông tin sau:

Họ và tên thí sinh:.....

Cơ quan công tác (nếu có):.....

Chuyên ngành dự tuyển:.....

Tiêu đề bài luận:.....

Trang 2 và các trang tiếp theo

Bài luận dài không quá 3000 từ, cho thấy ứng viên phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển, tập trung vào những gợi ý sau:

1. Mục đích, lí do đăng kí xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội
2. Lí do lựa chọn ngành, chuyên ngành đăng kí xét tuyển
3. Mục tiêu nghề nghiệp tương lai
4. Vấn đề quan tâm, dự kiến và đề xuất hướng nghiên cứu.

Bài luận chuyên ngành của người xét tuyển có nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển trình độ thạc sĩ, phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, văn phong trong sáng, trình bày rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về người dự tuyển, với những thông tin mới (không lặp lại những thông tin đã hiển thị trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu....).

Một số quy định:

- Không đưa thông tin cá nhân của ứng viên như họ tên vào các trang trong bài luận (chỉ được phép ghi trong trang 1).
- Thí sinh phải tự viết bài luận, không đánh máy.
- Lề của trang giấy viết bài luận: lề trên 2,0 cm; lề dưới 2,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.
- Đánh số trang trên tổng số trang ở phía dưới và giữa mỗi trang giấy (VD: 1/5... 5/5)
- Thí sinh cần đảm bảo chất lượng của bản scan bài luận. Nếu scan thiếu trang, thiếu phần hoặc có phần chữ mờ không đọc được thì thí sinh không được chấm điểm phần đó. ✕